

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244A /2021/HS-PT**

Ngày: 28-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội Đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 256/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo Lê Trọng H và Đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh

Bị cáo kháng cáo:

1. Lê Trọng H (Tên gọi khác: T), sinh năm 1985 tại: ĐN;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố T, phường X, thành phố LK, tỉnh ĐN; nơi cư trú: khu phố TP, phường XT, thành phố LK, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Ngọc F, sinh năm 1952; có vợ Chương Ngọc B, sinh năm 1992, có 01 người con sinh năm 2014; tiền sự: Không;

Tiền án, có 03 tiền án:

Ngày 01-8-2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 06 năm 06 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và

“Cướp giật tài sản” tại Bản án số 75/2007/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 05-8-2013.

Ngày 28-5-2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 32/2015/HSST (*bị áp dụng tình tiết tái phạm*), chấp hành xong hình phạt ngày 03-8-2016.

Ngày 25-10-2017, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 128/2017/HS-ST (*bị áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm*), chấp hành xong hình phạt ngày 14-11-2019.

Nhân thân:

Ngày 09-11-1999 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 19-11-2001.

Ngày 16-9-2002 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 16-8-2004.

Ngày 25-01-2005 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 28-11-2006.

Bị tạm giữ từ ngày 24-8-2020, tạm giam từ ngày 02-9-2020 cho đến nay, (*có mặt*).

2. **Trần Văn T** (Tên gọi khác: TT), sinh năm 1967 tại: Thành phố M.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN; nơi cư trú: Ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN (Ấp HG, xã HG, thành phố LK, tỉnh ĐN); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 27-9-2002, bị Tòa án nhân dân huyện Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, tính từ ngày tuyên án, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tại Bản án số 84/HS-ST.

Ngày 03-12-2008, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 1414/2008/HSPT, chấp hành xong hình phạt ngày 30-9-2009.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11-10-2020, bị bắt tạm giam ngay sau khi tuyên án sơ thẩm ngày 26/05/2021 (*có mặt*).

- Các bị hại:

1. Anh Nguyễn Mậu Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố TP, phường XT, thành phố LK, tỉnh ĐN.

2. Anh Nguyễn Quốc U, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố NĐ, phường BS, thành phố LK, tỉnh ĐN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trình Thị Hà P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp HG, xã HG, thành phố LK, tỉnh ĐN.

2. Chị Vũ Thị Minh X, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp 1, xã ST, huyện LT, tỉnh ĐN.

3. Anh Trần Minh Â, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp HG, xã HG, thành phố LK, tỉnh ĐN.

(Trong vụ án còn có bị cáo Trình Long I nhưng không có kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trọng H và Trình Long I có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước, cả hai đều là đối tượng sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định.

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19-8-2020, H rủ I đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì I Đ ý. I sử dụng xe mô tô H Wave S màu đỏ, biển số 60Y2-5796, H mang theo bai để xới đất, cả hai chạy từ trong rẫy của H ở xã HG đến rẫy cách nhà anh Nguyễn Mậu Đ, sinh năm 1984, ngụ khu phố TP, phường XT, thành phố LK khoảng 50m thì dừng lại, để xe ở đó và đi bộ đến nhà anh Đ rồi cả hai leo rào vào nhà. H đi tới bậc thềm lấy một chiếc tất chân buộc vào khe cửa ngoài của cửa chính, nhằm không để anh Đ truy đuổi khi bị phát hiện. Sau đó, cả hai cùng đào bới gốc mai được trồng trong chậu, H dùng cây bai mang theo còn I dùng tay bới đất quanh rễ để đưa cây ra khỏi chậu. Khoảng 01 Ug sau thì cả hai nhổ được 01 cây mai cảnh cao 2,5m, hoành thân 60cm rồi vác cây mai vứt qua hàng rào. Sau đó, I ở lại cảnh giới còn H gọi điện cho Trần Văn T, sinh năm 1967, ngụ ấp BĐ, xã XD, huyện XL thuê chở cây rồi lấy xe mô tô H Wave S màu đỏ, biển số 60Y2-5796 đi đón T. Giữa H và T tuy không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nhưng biết và nghe danh của nhau từ trước. H dẫn đường cho xe ô tô tải biển số 60C-45147 của T đi theo. Khi đến nơi, T mở thùng xe rồi cùng H và I khiêng cây lên thùng. I lấy xe mô tô chạy về rẫy của H ngủ, còn H lên xe ô tô tải của T để chở cây mai về nhà của T cất giấu. Khi để cây mai cảnh tại nhà T, H đã tìm người đến mua nhưng không được nên nhờ T mua chậu để trồng cây vào, khi nào bán được sẽ trả tiền công chở và tiền chậu. Đến ngày 24-8-2020, biết bị phát hiện nên H đã đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; đến ngày 11-10-2020, Trình Long I đến Công an xã HG, thành phố LK đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra, I được tại ngoại nhưng đến ngày 29-10-2020, I cùng Trần Minh Â, sinh năm 1982, trú tại ấp HG, xã HG, thành phố LK tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 02 con gà đá nặng 5,9kg của anh Nguyễn Quốc U, sinh năm 1987, trú tại khu phố ND, phường BS, thành phố LK thì bị bắt giữ.

Đối với Trần Văn T, nhận thức được cây mai là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn Đ ý chở về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 104/HĐĐGTSTTTHS ngày 27-8-2020, Hội Đ định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố LK kết luận: Một (01) cây mai cảnh cao 2,5m; hoành thân 60cm, cây đang xanh tốt có giá trị 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 133/HĐĐGTSTTTHS ngày 11-11-2020, Hội Đ định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố LK kết luận:

Hai (02) con gà, trọng lượng 5,9kg có giá trị 649.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-LK ngày 31-12-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK truy tố các bị cáo Lê Trọng H, Trình Long I về tội: “Trộm cắp tài sản”; bị cáo H theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo I theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 26/5/2021, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2021/TB-TA ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, đã căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Trọng H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-8-2020; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trình Long I 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16-11-2020. Cả hai bị cáo đều bị xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (ngày 26-5-2021). Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31 tháng 05 năm 2021, bị cáo Trần Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04 tháng 06 năm 2021, bị cáo Lê Trọng H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, mức án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và bị cáo T. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Trọng H và bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã mô tả. Bị cáo Lê Trọng H đã cùng bị cáo Trình Long I có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Mậu Đ 01 cây mai cảnh cao khoảng 2,5m, hoành thân 60cm. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá là 25.000.000 Đ, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Trần Văn T nhận thức được cây mai là tài sản do phạm tội mà có, nhưng vẫn Đ ý chớ về nhà cất giấu, nên đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Bị cáo H có 03 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, có xem xét bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo với mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Văn T, có nhân thân xấu, đã bị xét xử hai lần, trong đó có 01 lần về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T không nhận tội, tuy nhiên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với mức án 06 (Sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do

người khác phạm tội mà có” là mức thấp nhất của khung hình phạt, nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2] Về kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp được tình tiết mới, nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trọng H và bị cáo Trần Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HS-ST ngày 26/5/2021, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2021/TB-TA ngày 02/6/2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2021/TB-TA ngày 04/6/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24-8-2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 26-5-2021.

3. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

Các bị cáo Lê Trọng H, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự (địa chỉ theo hồ sơ);
- Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Long Khánh;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Long Khánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM.HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sỹ